

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 139/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 18 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hủy bỏ danh mục công trình, dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt
kế hoạch sử dụng đất và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất
năm 2024 huyện Xuân Trường**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy
hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số: 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; 43/2014/NĐ-CP ngày
15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; 01/2017/NĐ-
CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định
chi tiết thi hành Luật Đất đai; 148/2020/NĐ-CP ngày 18/02/2020 sửa đổi, bổ
sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch
sử dụng đất;*

*Căn cứ các Quyết định số: 1128/QĐ-UBND ngày 28/05/2021 của UBND
tỉnh Nam Định về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch
sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Xuân Trường;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt định chỉnh loại đất, diện
tích; thay đổi về quy mô, địa điểm, số lượng công trình, dự án trong Quy hoạch sử
dụng đất đến năm 2030 huyện Xuân Trường và các Quyết định của UBND tỉnh phê
duyet, phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Xuân Trường;*

*Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân số: 135/NQ-HĐND ngày
09/12/2023 về việc chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất năm 2024 trên
địa bàn tỉnh Nam Định; 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 về việc chấp thuận*

danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất dưới 10 ha đất trồng lúa, dưới 20 ha đất rừng phòng hộ sang mục đích khác năm 2024 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Xuân Trường tại Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 15/01/2024; của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 266/TTr-STNMT ngày 17/01/2024 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Xuân Trường và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hủy bỏ danh mục dự án, công trình được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất nhưng chưa thực hiện và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Xuân Trường, cụ thể như sau:

1. Hủy bỏ danh mục công trình, dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất quá 3 năm nhưng chưa thực hiện trên địa bàn huyện Xuân Trường với tổng số 48 công trình, dự án và các khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, chuyển mục đích từ đất vườn ao trong khu dân cư sang đất tổng diện tích 54,22 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Xuân Trường với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

2.1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		11.609,43	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	7.257,79	62,52
	Trong đó:			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.475,67	75,45
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	5.468,46	99,87
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	365,44	5,04
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	630,25	8,68
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	728,40	10,04
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	58,03	0,80
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.252,91	36,63
	Trong đó:			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,86	0,02
2.2	Đất an ninh	CAN	2,51	0,06
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	48,82	1,15

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	11,47	0,27
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	131,10	3,08
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	31,04	0,73
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.310,00	54,32
	Trong đó:			
	Đất giao thông	DGT	1.045,79	45,27
	Đất thủy lợi	DTL	854,69	37,00
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	3,59	0,16
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,68	0,33
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	66,96	2,90
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	7,12	0,31
	Đất công trình năng lượng	DNL	6,07	0,26
	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,94	0,04
	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,98	0,04
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	19,57	0,85
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	89,80	3,89
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	195,37	8,46
	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	6,73	0,29
	Đất chợ	DCH	4,70	0,20
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	20,69	0,49
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	5,37	0,13
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.055,03	24,81
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	56,39	1,33
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,76	0,44
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,94	0,02
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	25,43	0,60
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	515,18	12,11

4

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	9,86	0,23
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	9,46	0,22
3	Đất chưa sử dụng	CSD	98,73	0,85

2.2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2024

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
	TỔNG DIỆN TÍCH		192,58
1	Đất nông nghiệp	NNP	175,99
1.1	Đất trồng lúa	LUA	159,40
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	159,40
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1,28
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	7,86
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	7,45
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	16,59
2.1	Đất phát triển hạ tầng	DHT	10,09
2.1.1	Đất giao thông	DGT	2,45
2.1.2	Đất thủy lợi	DTL	6,26
2.1.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,04
2.1.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,61
2.1.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	0,09
2.1.6	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,53
2.1.7	Đất chợ	DCH	0,11
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	5,70
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,07
2.4	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,57
2.5	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,03
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,13

2.3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	206,51
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	172,06
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	172,06

1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	2,99
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	14,24
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	17,22
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	6,41

2.4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG		0,01
1	Đất nông nghiệp	NNP	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,01
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,01

2.5. Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2024 của huyện Xuân Trường.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chịu trách nhiệm toàn diện về các thông tin, số liệu, kết quả thẩm định hồ sơ kế hoạch sử dụng đất trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc UBND huyện Xuân Trường công bố, công khai và triển khai thực hiện các công trình, dự án thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo đúng quy định.

2. Giao UBND huyện Xuân Trường chỉ đạo các phòng, ban liên quan

- Công bố công khai các công trình, dự án thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt theo đúng quy định.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt. Trường hợp có sự bất cập giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, các quy hoạch

chuyên ngành khác và các quy định của tỉnh thì kịp thời báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Chịu trách nhiệm rà soát lại các công trình, dự án thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2024, đảm bảo thống nhất số liệu, địa điểm giữa hồ sơ và thực địa; chỉ tiêu và khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; rà soát lại các nội dung có liên quan đến pháp luật về đất đai, pháp luật về quy hoạch và pháp luật khác có liên quan, chỉ tiến hành lập thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai, pháp luật khác có liên quan.

- Thông báo cho UBND các xã, thị trấn, các chủ đầu tư có công trình, dự án đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 lập thủ tục hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo thời gian thực hiện kế hoạch và chỉ thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trong khu dân cư đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Xuân Trường, Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

Phụ lục I

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN HỦY BỎ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số: 139/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh Nam Định)

STT	Tên công trình dự án	Mã đất	Địa điểm	Tổng diện tích hủy bỏ (ha)
	DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT			45,5
1	Đất an ninh			0,15
	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã	CAN	xã Xuân Châu	0,15
2	Đất ở			23,22
2.1	Đất khu dân cư tập trung			23,22
	Khu dân cư tập trung	ONT	xã Xuân Ngọc	18,98
	Khu dân cư tập trung	ONT	xã Xuân Phương	3,47
	Điêm tái định cư có cơ sở hạ tầng	ONT	xã Xuân Kiên	0,77
3	Đất phát triển hạ tầng			20,67
3.1	Đất giao thông			2,41
	Mở rộng huyện lộ Phú Đài	DGT	xã Xuân Đài	1,81
	Nâng cấp, cải tạo đường lối sau làng Hành Thiện (đường bờ vùng kênh Đồng Nê)	DGT	xã Xuân Hồng	0,4
	Mở rộng đường bờ vùng Kênh Đồng Nê	DGT	xã Xuân Thượng	0,2
3.2	Đất thủy lợi			0,05
	Xây mới mương khu dân cư xóm 19	DTL	xã Xuân Thượng	0,05
3.3	Đất xây dựng cơ sở văn hoá			0,28
	Xây dựng nhà văn hoá trung tâm xã	DVH	xã Xuân Ngọc	0,28
3.4	Đất xây dựng cơ sở y tế			9,9
	Xây dựng bệnh viện	DYT	xã Xuân Ninh	9,9
3.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo			4,55
	Mở rộng trường Mầm non	DGD	xã Xuân Bắc	0,15
	Mở rộng trường tiểu học, THCS xã Xuân Đài	DGD	xã Xuân Đài	0,31
	Mở rộng trường tiểu học Xuân Hồng khu C	DGD	xã Xuân Hồng	0,03
	Mở rộng trường mầm non khu vực Phú Thủy	DGD	xã Xuân Hồng	0,12
	Mở rộng trường tiểu học Khu A	DGD	xã Thọ Nghiệp	0,06
	Mở rộng trường tiểu học B	DGD	TT. Xuân Trường	0,09
	Xây dựng trường mầm non khu Trà Thượng	DGD	TT. Xuân Trường	0,25
	Mở rộng trường mầm non khu Nghĩa Xá	DGD	xã Xuân Ninh	0,1
	Mở rộng trường Tiểu học khu A	DGD	xã Xuân Phong	0,5
	Xây dựng trường mầm non khu B	DGD	xã Xuân Phú	0,53
	Mở rộng trường tiểu học	DGD	xã Xuân Phương	0,12
	Xây dựng trường THCS Xuân Tiến	DGD	xã Xuân Tiến	1,13
	Mở rộng trường mầm non trung tâm	DGD	xã Xuân Tiến	0,07
	Mở rộng trường THCS	DGD	xã Xuân Thành	0,11
	Xây dựng trường Mầm non tập trung	DGD	xã Xuân Thành	0,55
	Mở rộng trường Tiểu học	DGD	xã Xuân Thành	0,22
	Mở rộng trường Mầm non xã	DGD	xã Xuân Thủy	0,21
3.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao			1,1
	Xây dựng sân vận động trung tâm xã	DTT	xã Xuân Thành	1,1
3.7	Đất có di tích lịch sử - văn hoá			0,35
	Mở rộng khu di tích đền chùa Ngọc Tiên (xây dựng sân chơi chùa Ngọc Tiên)	DDT	xã Xuân Hồng	0,2

STT	Tên công trình dự án	Mã đất	Địa điểm	Tổng diện tích hủy bỏ (ha)
	Mở rộng khu di tích chùa Keo Hành Thiện (xây dựng nhà khách chùa Keo Hành Thiện)	DDT	xã Xuân Hồng	0,15
3.8	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng			1,1
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xóm 12 cũ (xóm 6 mới)	NTD	xã Thọ Nghiệp	0,5
	Mở rộng nghĩa trang nghĩa địa xóm 1	NTD	xã Xuân Vinh	0,1
	Mở rộng nghĩa địa xóm 10 cũ (xóm 5 mới)	NTD	xã Xuân Vinh	0,1
	Mở rộng nghĩa địa xóm 14 cũ (xóm 9 mới)	NTD	xã Xuân Vinh	0,2
	Mở rộng nghĩa địa xóm 18 cũ (xóm 11 mới)	NTD	xã Xuân Vinh	0,2
3.9	Đất bãi thải, xử lý chất thải			0,92
	Xây dựng khu xử lý rác thải	DRA	Xuân Châu	0,2
	Xây dựng khu xử lý rác thải	DRA	Xuân Ngọc	0,72
3.10	Đất cơ sở tôn giáo			0,01
	Mở rộng chùa Sùng Phúc Kiên Lao	TON	xã Xuân Kiên	0,01
4	Đất sinh hoạt cộng đồng			0,27
	Xây mới nhà văn hóa xóm 5, Xuân Dục	DSH	xã Xuân Ninh	0,05
	Xây mới nhà văn hóa xóm 15 cũ (xóm 9 mới)	DSH	xã Thọ Nghiệp	0,11
	Xây dựng nhà văn hoá xóm 4 đội 2	DSH	xã Xuân Thượng	0,11
5	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng			0,09
	Xây dựng sân thể thao xóm 11 cũ (xóm 7 mới)	DKV	xã Xuân Trung	0,09
6	Đất xây dựng trụ sở cơ quan			1,1
	Mở rộng UBND xã Xuân Hồng	TSC	xã Xuân Hồng	0,56
	Xây dựng trụ sở Chi cục thống kê huyện	TSC	TT. Xuân Trường	0,15
	Xây dựng UBND xã Xuân Ngọc	TSC	xã Xuân Ngọc	0,39
	DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT			1,43
1	Đất ở			0,71
1.1	Đất ở tại nông thôn			0,71
	Giao đất cho nhân dân làm nhà ở	ONT	xã Xuân Đài	0,11
			xã Xuân Đài	0,11
	Giao đất cho nhân dân làm nhà ở	ONT	xã Thọ Nghiệp	0,1
			xã Thọ Nghiệp	0,1
	Giao đất cho nhân dân làm nhà ở	ONT	xã Xuân Phong	0,06
			xã Xuân Phong	0,06
	Giao đất cho nhân dân làm nhà ở	ONT	xã Xuân Phú	0,14
			xã Xuân Phú	0,05
			xã Xuân Phú	0,05
			xã Xuân Phú	0,04
	Giao đất cho nhân dân làm nhà ở	ONT	xã Xuân Thành	0,3
			xã Xuân Thành	0,13
			xã Xuân Thành	0,17
2	Đất thương mại dịch vụ			0,72
	Dự án xây dựng cửa hàng mua bán vật tư phân bón giống cây trồng, thức ăn gia súc, thuốc bảo vệ thực vật và hoạt động dịch vụ trồng trọt của HTX SXKD dịch vụ nông nghiệp Xuân Tiến	TMD	xã Xuân Tiến	0,12
	Điểm kinh doanh DVTM tổng hợp	TMD	xã Xuân Ninh	0,6
	DANH MỤC DỰ ÁN KHÔNG SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA			7,29
1	Đất phát triển hạ tầng			0,06
1.1	Đất xây dựng cơ sở y tế			0,06
	Dự án xây dựng phòng khám chữa bệnh	DYT	TT. Xuân Trường	0,06

STT	Tên công trình dự án	Mã đất	Địa điểm	Tổng diện tích hủy bỏ (ha)
2	Đất ở			7,23
2.1	Đất ở tại nông thôn			6,8
2.1.1	Giao đất cho nhân dân làm nhà ở			1,65
	Giao đất cho nhân dân làm nhà ở	ONT	xã Xuân Đài	0,51
			xã Xuân Đài	0,51
	Giao đất cho nhân dân làm nhà ở	ONT	xã Xuân Phong	0,62
			xã Xuân Phong	0,05
			xã Xuân Phong	0,16
			xã Xuân Phong	0,07
			xã Xuân Phong	0,34
	Giao đất cho nhân dân làm nhà ở	ONT	xã Xuân Tiến	0,37
			xã Xuân Tiến	0,37
	Giao đất cho nhân dân làm nhà ở	ONT	xã Xuân Thủy	0,1
			xã Xuân Thủy	0,1
	Giao đất cho nhân dân làm nhà ở	ONT	xã Xuân Trung	0,05
			xã Xuân Trung	0,05
2.1.2	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở			5,15
	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	ONT	xã Xuân Bắc	0,24
	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	ONT	xã Xuân Châu	0,2
	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	ONT	xã Xuân Đài	0,66
	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	ONT	xã Xuân Hòa	0,25
	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	ONT	xã Xuân Hồng	0,06
	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	ONT	xã Xuân Kiên	0,16
	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	ONT	xã Xuân Ngọc	0,16
	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	ONT	xã Xuân Ninh	0,93
	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	ONT	xã Xuân Phong	0,02
	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	ONT	xã Xuân Phú	0,12
	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	ONT	xã Xuân Tân	0,27
	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	ONT	xã Xuân Thành	0,32
	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	ONT	xã Xuân Thượng	0,58
	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	ONT	xã Xuân Thủy	0,25
	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	ONT	xã Xuân Tiến	0,47
	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	ONT	xã Xuân Trung	0,33
	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	ONT	xã Xuân Vinh	0,13

STT	Tên công trình dự án	Mã đất	Địa điểm	Tổng diện tích hủy bỏ (ha)
2.2	Đất ở tại đô thị			0,43
	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	ODT	TT. Xuân Trường	0,43
	Tổng diện tích			54,22

2

STT	Tên công trình dự án	Mã đất	Địa điểm	Vị trí bản đồ địa chính		Tổng diện tích đăng ký KH2024	Trong đó		Sử dụng từ các loại đất																Chỉ chú				
				Tờ	Thửa		Diện tích đăng ký mới 2024	Diện tích 2023 chuyển sang	LUC	HNK	CLN	NTS	TMD	SKC	DGT	DTL	DYT	DGD	DTT	DCH	ONT	TSC	NTD	DSH		SON	MNC	PNK	BCS
(1)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)-(8)+(9)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)
	Xây dựng khu dân cư tập trung xã Xuân Trung, huyện Xuân Trường	ONT	xã Xuân Trung	7	310, 311, 312, 340 - 346, 337, 338, 339, 363, 364, 365, 367, 368, 371, 372	1,60		1,60	1,48	0,01		0,07				0,04													Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết thu hồi đất số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KISDD năm 2023 huyện Xuân Trường
	Xây dựng khu dân cư tập trung xã Xuân Vinh, huyện Xuân Trường	ONT	xã Xuân Vinh	8; (9)	3, 4, 5; (72, 73, 74, 77, 78)	2,21		2,21	1,96	0,05					0,10	0,10													Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết thu hồi đất số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KISDD năm 2023 huyện Xuân Trường
	Xây dựng Khu tái định cư và khu dân cư tập trung xã Xuân Hòa, huyện Xuân Trường	ONT	xã Xuân Hòa	6	42 - 49 (Bản đồ dồn điền là thửa 42, 50, 45, 46)	2,00		2,00	1,79						0,16	0,05													Nghị quyết thu hồi đất số 72/NQ-HĐND ngày 06/07/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết thu hồi đất số 109/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh (còn hiệu lực); Nghị quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KISDD năm 2023 huyện Xuân Trường. Theo các nghị quyết trên thì tổng diện tích thu hồi đất là 2,0 ha nhưng trong quá trình đo đạc, khảo sát thực tế xác định diện tích đất nông nghiệp là 1,79 ha, đất giao thông là 0,16 ha, đất thủy lợi là 0,05 ha và tổng diện tích không thay đổi
	Xây dựng Khu tái định cư và khu dân cư tập trung xã Xuân Kiên, huyện Xuân Trường	ONT	xã Xuân Kiên	12; (15)	359, 361 - 368; (1, 2, 3, 18 - 25, 44 - 47, 55 - 59)	2,95		2,95	2,65						0,08	0,22													Nghị quyết thu hồi đất số 08/NQ-HĐND ngày 26/04/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết thu hồi đất số 109/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh (còn hiệu lực); Nghị quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KISDD năm 2023 huyện Xuân Trường. Theo các nghị quyết trên thì tổng diện tích thu hồi đất là 2,72 ha, đất giao thông 0,08 ha, đất thủy lợi 0,15 ha nhưng trong quá trình đo đạc, khảo sát thực tế xác định diện tích đất nông nghiệp là 2,65 ha, đất giao thông là 0,08 ha, đất thủy lợi là 0,22 ha và tổng diện tích không thay đổi
	Xây dựng khu dân cư tập trung xã Xuân Bắc, huyện Xuân Trường	ONT	xã Xuân Bắc	6	210, 233, 234, 235, 249, 250, 280, 281, 282, 283, 356, 357, 359, 360	3,50		3,50	3,20						0,15	0,15													Nghị quyết thu hồi đất số 18/NQ-HĐND ngày 24/4/2023 của HĐND tỉnh; Nghị quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh; QĐ số 1052/QĐ-UBND ngày 29/05/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt bổ sung KISDD năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nam Định
	Xây dựng khu dân cư tập trung xã Xuân Đài, huyện Xuân Trường	ONT	xã Xuân Đài	27; (23)	31, 32, 35, 36, 61, 64, 17; (134, 166, 167, 169)	2,02		2,02	1,95						0,04	0,03													Nghị quyết thu hồi đất số 18/NQ-HĐND ngày 24/4/2023 của HĐND tỉnh; Nghị quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh; QĐ số 1052/QĐ-UBND ngày 29/05/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt bổ sung KISDD năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nam Định

STT	Tên công trình dự án	Mã đất	Địa điểm	Vị trí bản đồ địa chính		Tổng diện tích đăng ký KH2024	Trong đó		Sử dụng từ các loại đất													Chỉ chủ							
				Từ	Thửa		Diện tích đăng ký mới 2024	Diện tích 2023 chuyển sang	LUC	HNK	CLN	NTS	TMD	SKC	DGT	DTL	DYT	DGD	DTT	DCH	ONT		TSC	NTD	DSH	SON	MNC	PNK	BCS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)
	Xây dựng khu dân cư tập trung xã Xuân Thành, huyện Xuân Trường	ONT	xã Xuân Thành	11	184 - 191, 193 - 195, 235 - 240, 243 - 245	2,50		2,50	2,10						0,20	0,20													Nghi quyết thu hồi đất số 18/NQ-HĐND ngày 24/4/2023 của HĐND tỉnh; Nghi quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh; QĐ số 1052/QĐ-UBND ngày 29/05/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt bổ sung KHSDD năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nam Định
	Xây dựng khu dân cư tập trung xã Xuân Tiến, huyện Xuân Trường	ONT	xã Xuân Tiến	4	300 - 319, 432	5,37		5,37	3,84			0,93			0,30	0,30													Nghi quyết thu hồi đất số 18/NQ-HĐND ngày 24/4/2023 của HĐND tỉnh; Nghi quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh; QĐ số 1052/QĐ-UBND ngày 29/05/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt bổ sung KHSDD năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nam Định
	Dự án xây dựng Khu tái định cư và khu dân cư tập trung xã Xuân Phong	ONT	xã Xuân Phong	5; (6)	nhiều thửa	5,00	5,00		4,40						0,30	0,30													Nghi quyết thu hồi đất số 135/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh
	Khu tái định cư	ONT	xã Xuân Hòa	15	69	0,20		0,20	0,20																				Nghi quyết thu hồi đất số 08/NQ-HĐND ngày 26/04/2022 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDD năm 2023 huyện Xuân Trường
	Tái định cư và đầu tư xây dựng (Vị trí 1)	ONT	xã Xuân Ngạc	1	2-1; 2-2; 2-3; 2-4 (Bản đồ ĐDDT xã Xuân Ngạc)	0,42	0,42		0,40						0,01	0,01													Nghi quyết thu hồi đất số 135/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh; Nghi quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh
	Tái định cư và đầu tư xây dựng (Vị trí 2)	ONT	xã Xuân Ngạc	1	3-3; 3-4; 3-5; 3-6; 3-7; 3-8 (Bản đồ ĐDDT xã Xuân Ngạc)	0,42	0,42		0,40						0,01	0,01													Nghi quyết thu hồi đất số 135/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh; Nghi quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh
	Tái định cư và đầu tư xây dựng (Vị trí 1)	ONT	xã Xuân Phong	10	14-1, 14-2, 14-3, 14-4 (Bản đồ ĐDDT xã Xuân Phong)	0,08	0,08		0,08																				Nghi quyết thu hồi đất số 135/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh; Nghi quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh
	Tái định cư và đầu tư xây dựng (Vị trí 2)	ONT	xã Xuân Phong	23	16	0,11	0,11		0,11																				Nghi quyết thu hồi đất số 135/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh; Nghi quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh
	Tái định cư và đầu tư xây dựng (Vị trí 3)	ONT	xã Xuân Phong	20	35-1, 35-2, 35-3, 35-4 (Bản đồ ĐDDT xã Xuân Phong)	0,22	0,22		0,20						0,01	0,01													Nghi quyết thu hồi đất số 135/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh; Nghi quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh
	Tái định cư và đầu tư xây dựng (Vị trí 4)	ONT	xã Xuân Phong	9	252-1, 252-2, 252-3, 252-4 (Bản đồ ĐDDT xã Xuân Phong)	0,12	0,12		0,10						0,01	0,01													Nghi quyết thu hồi đất số 135/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh; Nghi quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh
	Tái định cư và đầu tư xây dựng (Vị trí 5)	ONT	xã Xuân Phong	23	13-1, 13-2, 13-3 (Bản đồ ĐDDT xã Xuân Phong)	0,14	0,14		0,14																				Nghi quyết thu hồi đất số 135/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh; Nghi quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh
	Tái định cư và đầu tư xây dựng (Vị trí 6)	ONT	xã Xuân Phong	15	15, 16, 22 (tương ứng thửa 189-1, 16-1 đến 16-4, 15-1, 15-2, 22-1, 22-2, 22-3 Bản đồ ĐDDT xã Xuân Phong)	0,35	0,35		0,35																				Nghi quyết thu hồi đất số 135/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh; Nghi quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh

5

STT	Tên công trình dự án	Mã đất	Địa điểm	Vị trí bản đồ địa chính		Trong đó		Sử dụng từ các loại đất																Chị chủ						
				Từ	Thửa	Tổng diện tích đăng ký KH2024	Diện tích đăng ký mới 2024	Diện tích 2023 chuyển sang	LUC	HNK	CLN	NTS	TMD	SKC	DGT	DTL	DYT	DGD	DTT	DCH	ONT	TSC	NTD		DSH	SON	MNC	PNK	BCS	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	Nghị quyết thu hồi đất số 60/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDĐ năm 2023 huyện Xuân Trường
	Tuyến đường bộ mới Nam Định - Lạc Quan - Đường bộ ven biển tỉnh Nam Định	DGT	xã Xuân Ninh, xã Xuân Kiên, xã Xuân Tiến, xã Xuân Hòa, TT. Xuân Trường	nhiều thửa	nhiều thửa	50,80	50,80	50,80	37,45	5,75	3,65				1,00					2,95										
	Đường trục NVH tổ 4 đi cầu ốc Xuân Phương	DGT	TT. Xuân Trường	nhiều thửa	nhiều thửa	0,50	0,50	0,50	0,30	0,10	0,05				0,05															
	Nâng cấp đoạn đường từ cầu Kiềm đến nhà văn hóa tổ 1 và cầu huyện đi cầu lò gạch, thị trấn Xuân Trường	DGT	TT. Xuân Trường	nhiều thửa	nhiều thửa	0,29	0,29	0,29	0,29																					
	Đường trục trung tâm huyện Hải Hậu	DGT	xã Xuân Ninh	48; (51); (52)	Nhiều thửa	5,00	5,00	5,00	4,67						0,30												0,03			
	Xây mới tuyến đường phía sau trường tiểu học và trung học cơ sở	DGT	xã Xuân Thành	11	242 - 248	0,30	0,30	0,30	0,30																					
	Mở rộng Đường giao thông đoạn từ cầu ông Đỗ Sơn 6 đến cầu ông Hùng xóm 4	DGT	xã Xuân Hòa	nhiều thửa	nhiều thửa	0,54	0,54	0,54	0,54																					
	Mở rộng đường giao thông từ Ngã tư Xuân Tiến đi về ban xã Xuân Hoà (huyện lỵ 2) Sau chùa đến đường tỉnh 489C	DGT	xã Xuân Hòa	nhiều thửa	nhiều thửa	1,00	0,52	0,48	1,00																					
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục xã từ Km 0+711,2 đến thôn Đoài Nam xã Xuân Hòa	DGT	xã Xuân Hòa	nhiều thửa	nhiều thửa	0,40	0,40	0,40	0,40																					
	Xây mới, mở rộng đường giao thông trong khu dân cư xã Xuân Hòa	DGT	xã Xuân Hòa	nhiều thửa	nhiều thửa	1,80	1,80	1,80	1,10	0,60					0,10															

STT	Tên công trình dự án	Mã đất	Địa điểm	Vị trí ban đầu địa chính		Tổng diện tích đăng ký KH2024	Trong đó		Sử dụng từ các loại đất																Chú chú						
				Tờ	Thửa		Diện tích đăng ký mới 2024	Diện tích 2023 chuyển sang	LUC	HNK	CLN	NTS	TMD	SKC	DGT	DTL	DVT	DGD	DTT	DCH	ONT	TSC	NTD	DSH		SON	MNC	PNK	BCS		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	Nghị quyết thu hồi đất số 116/NQ-HĐND ngày 03/11/2023 của HĐN D tỉnh; Nghị quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh; QĐ số 2413/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt bổ sung KHSDĐ năm 2023 của các huyện: Nghĩa Hưng, Xuân Trường, Giao Thủy, Ý Yên, Trực Ninh	
	Mở rộng tuyến đường từ trạm điện số 2 đến thôn Trung Lễ	DGT	xã Xuân Kiên	nhiều tờ	nhì dàu thửa	0,82		0,82	0,80							0,02														Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDĐ năm 2023 huyện Xuân Trường	
	Điền đến trả khách kinh doanh dịch vụ và bến xe tỉnh Thành Nam của Công ty cổ phần đầu tư xây lập và khoáng sản Thành Nam	DGT	xã Xuân Ninh	5	1, 2, 3, 10, 16 - 20, 44, 45, 47, 48 - 54, 83, 86, 87, 88, 168, 123	2,40		2,40	2,15						0,18	0,07														Nghị quyết thu hồi đất số 109/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết CMD số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDĐ năm 2023 huyện Xuân Trường	
	Mở rộng đường Hữu Nghị	DGT	xã Xuân Trung	nhiều tờ	nhì dàu thửa	0,90		0,90	0,90																					Nghị quyết thu hồi đất số 79/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh; QĐ số 1634/QĐ-UBND ngày 18/08/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDĐ năm 2023 huyện Xuân Trường	
3.2	Đất thủy lợi					0,27	0,24	0,03	0,03	0,17	0,02	0,01			0,02												0,02				Nghị quyết thu hồi đất số 135/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐN D tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDĐ năm 2023 huyện Xuân Trường
	Xây mới mang khu dân cư xóm 7	DTL	xã Xuân Thượng	nhiều tờ	nhì dàu thửa	0,03		0,03	0,03																						Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh
	Xây dựng mới Cống Số 7 tại K194+841 để lưu Hồng huyện Xuân Trường	DTL	xã Xuân Châu	nhiều tờ	nhì dàu thửa	0,09		0,09		0,07																	0,02				Nghị quyết thu hồi đất số 135/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh
	Xây dựng mới Cống An Phú tại K3+170 để ta Ninh huyện Xuân Trường	DTL	xã Xuân Hồng	nhiều tờ	nhì dàu thửa	0,15		0,15		0,10	0,02	0,01			0,02																Nghị quyết thu hồi đất số 135/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh
3.3	Đất nông nghiệp					2,33	0,43	1,90	2,33																						Nghị quyết thu hồi đất số 135/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh (0,83 ha trong đó TT. Xuân Trường 0,06 ha; Xuân Hòa 0,03 ha; Xuân Kiên 0,02 ha; Xuân Hồng 0,05 ha; Xuân Bắc 0,18 ha; Xuân Ninh 0,05 ha; Xuân Đài 0,06 ha; Xuân Phúc 0,03 ha; Thọ Nghiệp 0,08 ha; Xuân Ngọc 0,04 ha; Xuân Vinh 0,03 ha; Xuân Trung 0,01 ha; Xuân Thượng 0,05 ha; Xuân Châu 0,05 ha; Xuân Phong 0,04 ha; Xuân Thủy 0,05 ha); QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDĐ năm 2023 huyện Xuân Trường (0,43 ha)
	Xây dựng, cải tạo các TBA và chân cột điện	DNL	TT. Xuân Trường, xã Xuân Hòa, xã Xuân Kiên, xã Xuân Hồng, xã Xuân Ninh, xã Xuân Bắc, xã Xuân Đài, xã Xuân Phúc, xã Thọ Nghiệp, xã Xuân Ngọc, xã Xuân Vinh; xã Xuân Trung; xã Xuân Thượng; Xuân Châu, xã Xuân Phong; xã Xuân Thủy	nhiều tờ	nhì dàu thửa	0,83	0,40	0,43	0,83																						Nghị quyết thu hồi đất số 135/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh (0,83 ha trong đó TT. Xuân Trường 0,06 ha; Xuân Hòa 0,03 ha; Xuân Kiên 0,02 ha; Xuân Hồng 0,05 ha; Xuân Bắc 0,18 ha; Xuân Ninh 0,05 ha; Xuân Đài 0,06 ha; Xuân Phúc 0,03 ha; Thọ Nghiệp 0,08 ha; Xuân Ngọc 0,04 ha; Xuân Vinh 0,03 ha; Xuân Trung 0,01 ha; Xuân Thượng 0,05 ha; Xuân Châu 0,05 ha; Xuân Phong 0,04 ha; Xuân Thủy 0,05 ha); QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDĐ năm 2023 huyện Xuân Trường (0,43 ha)

7

STT	Tên công trình dự án	Mã đất	Địa điểm	Vị trí ban đầu địa chính		Tổng diện tích đăng ký KH2024	Trong đó		Sử dụng từ các loại đất														Chỉ chủ							
				Từ	Thừa		Diện tích đăng ký mới 2024	Diện tích 2023 chuyển sang	LƯC	HNK	CLN	NTS	TMD	SKC	DGT	DTL	DYT	DGD	DTT	DCH	ONT	TSC		NTD	DSH	SON	MNC	PNK	BSC	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	
	Cải tạo, nâng cấp nhánh Xuân Trung lộ 475 E3.8 và nhánh Xuân Phương 1 lộ 473 E3.13 để liên kết mạch vòng lộ 475 E3.8 với lộ 473 E3.13	DNL	xã Xuân Vinh, xã Xuân Phương, xã Xuân Trung	nhiều tờ	nhiều thửa	0,05		0,05	0,05																				Nghị quyết thu hồi đất số 109/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh (0,05 ha, trong đó: Xuân Vinh 0,01 ha, Xuân Phương 0,02 ha, Xuân Trung 0,02 ha; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường	
	Nâng cấp cải tạo các lộ để liên kết mạch vòng	DNL	xã Xuân Bắc, xã Xuân Ninh, xã Xuân Đài, xã Xuân Phú, xã Xuân Tân, xã Xuân Thành, xã Thọ Nghiệp, xã Xuân Phương, TT. Xuân Trường, xã Xuân Kiên	nhiều tờ	nhiều thửa	0,16	0,03	0,13	0,16																				Nghị quyết thu hồi đất số 135/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh (0,16 ha, trong đó: Xuân Bắc 0,02 ha, Xuân Ninh 0,01 ha, Xuân Đài 0,02 ha; Xuân Phú 0,02 ha; Xuân Tân 0,02 ha; Xuân Thành 0,02 ha; Thọ Nghiệp 0,01 ha; Xuân Phương 0,01 ha; TT: Xuân Trường 0,01 ha; Xuân Kiên 0,02 ha); QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường (0,13 ha)	
	Xây dựng xuất tuyến 22kV các lộ TBA 110kV Xuân Trường	DNL	xã Xuân Thương, xã Xuân Thành, xã Xuân Châu, xã Xuân Đài, xã Xuân Phú, xã Xuân Tân, xã Xuân Phong, xã Xuân Phương, xã Thọ Nghiệp	nhiều tờ	nhiều thửa	0,21	0,21	0,21	0,21																				Nghị quyết thu hồi đất số 109/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh (0,21 ha, trong đó: Xuân Thương 0,02 ha; Xuân Thành 0,03 ha; Xuân Châu 0,02 ha; Xuân Đài 0,03 ha; Xuân Phú 0,02 ha; Xuân Tân 0,02 ha; Xuân Phong 0,03 ha; Xuân Phương 0,02 ha; Thọ Nghiệp 0,02 ha; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường	
	Xây dựng ĐZ và TBA 110kV Xuân Trường	DNL	xã Xuân Hồng, xã Xuân Ngọc, xã Xuân Thương	nhiều tờ	nhiều thửa	1,07		1,07	1,07																				Nghị quyết thu hồi đất số 109/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh (1,07 ha, trong đó: Xuân Hồng 0,4 ha; Xuân Ngọc 0,15 ha; Xuân Thương 0,52 ha; Nghị quyết CMD số 110/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường	
	Dự án cải tạo mạch vòng khu vực tỉnh Nam Định 476 Lạc Quân (E3.8) Trục Ninh (E3.16)	DNL	xã Xuân Ninh	nhiều tờ	nhiều thửa	0,01		0,01	0,01																				Nghị quyết CMD số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường	
3.4	Đất xây dựng cơ sở văn hoá					0,01		0,01										0,01												
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	xã Xuân Kiên	4	132	0,01		0,01										0,01											Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường	
3.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo					3,95		3,95	3,20	0,20	0,39		0,01						0,09		0,03						0,03			
	Mở rộng trường mầm non khu A	DGD	xã Xuân Hòa	10	29, 415 (Ban đồ DĐĐT là 28, 29, 415)	0,30		0,30	0,30																				Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường	

STT	Tên công trình dự án	Mã đất	Địa điểm	Vị trí bán đồ đạc chính		Tổng diện tích đăng ký KH2024	Trong đó		Sử dụng trực tiếp loại đất																Ghi chú				
				Từ	Thửa		Diện tích đăng ký mới 2024	Diện tích 2023 chuyển sang	LUC	HNK	CLN	NTS	TMD	SKC	DGT	DTL	DYT	DGD	DTT	DCH	ONT	TSC	NTD	DSH		SON	MNC	PNK	BCS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)
	Mở rộng trường tiểu học Khu B	DGD	xã Thọ Nghiệp	11	231, 235, 237 - 240	0,16		0,16	0,06		0,04	0,06																	Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết CMĐ số 6/1/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của UBND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường
	Xây mới trường trung học cơ sở thị trấn Xuân Trường	DGD	TT. Xuân Trường	13	119, 120, 123, 124, 127	1,20		1,20	1,20																				Nghị quyết thu hồi đất số 08/NQ-HĐND ngày 26/04/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết CMĐ số 7/3/NQ-HĐND ngày 06/07/2022 của HĐND tỉnh (Đất PNN 0,20 ha); Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường
	Mở rộng trường tiểu học khu B	DGD	xã Xuân Ninh	29	144	0,04		0,04			0,04																		Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường
	Mở rộng trường tiểu học khu A	DGD	xã Xuân Phú	6b	263, 265, 268	0,69		0,69	0,24		0,16	0,29																	Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường
	Mở rộng trường tiểu học khu B	DGD	xã Xuân Phú	20	231	0,30		0,30	0,30																				Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường
	Mở rộng trường trung học cơ sở	DGD	xã Xuân Phú	13	17, 305	0,12		0,12										0,09									0,03		Nghị quyết thu hồi đất số 54/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 của HĐND tỉnh (Đất PNN 0,20 ha); Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của UBND tỉnh (Đất PNN 0,12 ha); QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường
	Xây mới trường mầm non xã	DGD	xã Xuân Phương	9	1, 2, 3, 102	0,64		0,64	0,60						0,01						0,03								Nghị quyết thu hồi đất số 109/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh; NQ số 44/NQ-Định V/v quyết định chủ trương đầu tư dự án xây dựng mới Trường mầm non xã Xuân Phương; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường
	Mở rộng trường Mầm non xã Xuân Kiên	DGD	xã Xuân Kiên	4	186, 187, 188, 342, 343	0,50		0,50	0,50																				Nghị quyết thu hồi đất số 79/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh; QĐ số 1634/QĐ-UBND ngày 18/08/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 Huyện Xuân Trường
3.6	Đất nghĩa trang, nghĩa địa					3,98	0,35	3,63	3,62									0,35								0,01			
	Mở rộng nghĩa trang nghĩa địa xóm 12, 13	NTD	xã Xuân Hòa	13	22, 56 - 59	0,20		0,20	0,20																				Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường

STT	Tên công trình dự án	Mã đất	Địa điểm	Vị trí ban đầu địa chính		Tổng diện tích đăng ký KH2024	Trong đó		Sử dụng từ các loại đất															Chú chú						
				Tờ	Thửa		Diện tích đăng ký mới 2024	Diện tích 2023 chuyển sang	LUC	HNK	CLN	NTS	TMD	SKC	DGT	DTL	DYT	DGD	DTT	DCH	ONT	TSC	NTD		DSH	SON	MNC	PNK	BCS	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	
	Mở rộng nghĩa địa thôn Trung Lĩnh	NTD	xã Xuân Ngọc	18	203, 204, 205 (13, 14, 15)	0,20		0,20	0,20																				Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDĐ năm 2023 huyện Xuân Trường	
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Xuân Kiên	NTD	xã Xuân Kiên	1	9 - 11, 20 - 22	1,05		1,05	1,05																				Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDĐ năm 2023 huyện Xuân Trường	
	Mở rộng đất nghĩa địa xóm 6	NTD	xã Xuân Thành	14	3, 4, 11, 12	0,73		0,73	0,72																	0,01			Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDĐ năm 2023 huyện Xuân Trường	
	Mở rộng đất nghĩa địa xóm 7 cũ (xóm 3 mới)	NTD	xã Xuân Thành	11	212, 213	0,70		0,70	0,70																				Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDĐ năm 2023 huyện Xuân Trường	
	Mở rộng nghĩa trang nhân dân Hành Quán	NTD	xã Xuân Thủy	19	9	0,15		0,15	0,15																				Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDĐ năm 2023 huyện Xuân Trường	
	Mở rộng nghĩa địa Hội Khê	NTD	TT. Xuân Trường	13	103, 104	0,10		0,10	0,10																				Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh (01 bộ); QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDĐ năm 2023 huyện Xuân Trường	
	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân thôn Nghĩa Xá	NTD	xã Xuân Ninh	27; (28)	6 - 8; (31 - 34, 64 - 66)	0,50		0,50	0,50																				Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDĐ năm 2023 huyện Xuân Trường	
	Xây dựng mới công trình nghĩa trang liệt sĩ khu vực An Cư xã Xuân Vinh	NTD	xã Xuân Vinh	4	9	0,35	0,35											0,35											Nghị quyết thu hồi đất số 13/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh	
3.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải					0,50		0,50	0,50																					
	Mở rộng khu xử lý rác thải	DRA	TT. Xuân Trường	19	63, 64, 65	0,50		0,50	0,50																				Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDĐ năm 2023 huyện Xuân Trường	
3.8	Đất cơ sở tôn giáo					2,00		2,00	1,70			0,02				0,28														Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết CMĐ số 10/2021-NQ/HĐNTT của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDĐ năm 2023 huyện Xuân Trường
	Xây mới chùa Xuân Ngọc	TON	xã Xuân Ngọc	18	129, 136, 145, 146, 147, 148, 149, 150, 151 (trưng đấu thầu 212, 215 ban đầu DDDT), 152 (trưng công thầu 213, 214, 214 ban đầu DDDT)	2,00		2,00	1,70			0,02			0,28														Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết CMĐ số 10/2021-NQ/HĐNTT của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDĐ năm 2023 huyện Xuân Trường	
4	Đất sinh hoạt cộng đồng					0,10		0,10	0,04			0,02					0,04													Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDĐ năm 2023 huyện Xuân Trường
	Xây dựng nhà văn hóa xóm 4 (xóm 15 cũ)	DSH	xã Xuân Hồng	22	166	0,04		0,04									0,04												Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDĐ năm 2023 huyện Xuân Trường	

STT	Tên công trình dự án	Mã đất	Địa điểm	Vị trí bản đồ địa chính		Tổng diện tích đăng ký KH2024	Trong đó		Sử dụng từ các loại đất														Ghi chú								
				Tờ	Thửa		Diện tích đăng ký mới 2024	Diện tích 2023 chuyển sang	LUC	HNK	CLN	NTS	TMD	SKC	DGT	DTL	DVT	DGD	DTT	DCH	ONT	TSC		NTD	DSH	SON	MNC	PNK	BCS		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)-(8)+(9)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh, QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDD năm 2023 huyện Xuân Trường	
5	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng					1,08		1,08	0,04			0,02																			
	Xây dựng nhà văn hóa xóm 2 (xóm 4 cũ)	DSH	xã Xuân Hồng	18	42, 44, 47, 56	0,06		0,06																							
	Xây dựng Trung tâm thể thao thôn Hưng Nhân	DKV	xã Xuân Ninh	41	23, 25	0,25		0,25	0,25																						Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh, QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDD năm 2023 huyện Xuân Trường
	Xây dựng trung tâm thể thao thôn Lam Sơn	DKV	xã Xuân Ninh	43; (44)	98; (72)	0,25		0,25	0,25																						Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh, QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDD năm 2023 huyện Xuân Trường
	Xây dựng đất thể dục thể thao khu vực 13	DKV	xã Xuân Phú	19	220 - 223	0,20		0,20	0,20																						Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh, QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDD năm 2023 huyện Xuân Trường
	Sân thể thao vui chơi xóm 2 (xóm 1 mới)	DKV	xã Xuân Thành	5	106	0,08		0,08	0,08																						Nghị quyết thu hồi đất số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh, QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDD năm 2023 huyện Xuân Trường
	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng xóm 9	DKV	xã Xuân Đài	27	231, 232	0,30		0,30	0,30																						Nghị quyết thu hồi đất số 08/NQ-HĐND ngày 26/04/2022 của HĐND tỉnh, Nghị quyết CMD số 73/NQ-HĐND ngày 06/07/2022 của HĐND tỉnh, QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDD năm 2023 huyện Xuân Trường
6	Đất cơ sở tín ngưỡng					0,17	0,17													0,11		0,04					0,02				Nghị quyết thu hồi đất số 135/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh
	Xây dựng Đình làng Trá Lũ Trung xã Xuân Trung	TIN	xã Xuân Trung	4	239, 248, 249	0,17	0,17													0,11		0,04					0,02				
	DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐỊCH					15,30	3,78	11,52	12,66	0,23	0,22	1,51	0,05		0,25	0,14		0,11							0,10	0,01	0,01	0,01			
1	Đất ở					12,43	3,78	8,65	10,01	0,23	0,22	1,51	0,05		0,10	0,07		0,11							0,10	0,01	0,01	0,01			
1.1	Đất ở tại nông thôn					12,33	3,78	8,55	9,91	0,23	0,22	1,51	0,05		0,10	0,07		0,11							0,10	0,01	0,01	0,01			
1.1.1	Tái định cư phân tán					5,60	2,54	3,06	4,05	0,03	0,12	1,25			0,10	0,05															
	Khu tái định cư phân tán (xóm 6)	ONT	xã Xuân Kiên	16	1	0,16		0,16	0,16																						Nghị quyết CMD số 80/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh, QĐ số 1634/QĐ-UBND ngày 18/08/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDD năm 2023 huyện Xuân Trường
	Đất ở tại nông thôn (tái định cư phân tán, đầu tư QSDĐ)	ONT	xã Xuân Kiên	9	683, 680	0,39		0,39	0,35						0,02	0,02															Nghị quyết CMD số 117/NQ-HĐND ngày 03/11/2023 của HĐND tỉnh, QĐ số 2413/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt bổ sung KHSDD năm 2023 của các huyện: Nghĩa Hưng, Xuân Trường, Giao Thủy, Ý Yên, Trùng Ninh

STT	Tên công trình dự án	Mã đất	Địa điểm	Vị trí bản đồ địa chính		Tổng diện tích đăng ký KH2024	Trong đó		Sử dụng từ các loại đất													Ghi chú								
				Từ	Thửa		Diện tích đăng ký mới 2024	Diện tích chuyển sang	LUC	HNK	CLN	NTS	TMD	SKC	DGT	DTL	DYT	DGD	DTT	DCH	ONT		TSC	NTD	DSH	SON	MNC	PNK	BCS	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	
				22	397,398,429	0,26		0,26	0,08	0,15	0,02					0,01													Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường	
				34	33	0,03		0,03	0,02		0,01																			Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường
				34	65	0,15		0,15	0,03			0,07	0,05																	Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường
				52	212	0,02		0,02	0,02																					Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở	ONT	xã Thọ Nghiệp			0,44	0,19	0,25	0,44																					
				11	76	0,20		0,20	0,20																					Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường
				11	243	0,05		0,05	0,05																					Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường
				25	215	0,02		0,02	0,02																					Nghị quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh
				15	110	0,10		0,10	0,10																					Nghị quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh
				11	280	0,07		0,07	0,07																					Nghị quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở	ONT	xã Xuân Kiên			0,09		0,09	0,07		0,02																			
				6	6,69	0,06		0,06	0,06																					Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường
				6	306,307	0,03		0,03	0,01		0,02																			Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở	ONT	xã Xuân Ninh			0,57	0,19	0,38	0,45									0,11										0,01		
				41	14,15	0,28		0,28	0,17									0,11												Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường

STT	Tên công trình dự án	Mã đất	Địa điểm	Vị trí bán đồ địa chính		Tổng diện tích đăng ký KH2024	Trong đó		Sử dụng từ các loại đất																Ghi chú					
				Từ	Thửa		Diện tích đăng ký mới 2024	Diện tích 2023 chuyển sang	LUC	HNK	CLN	NTS	TMD	SKC	DGT	DTL	DYT	DGD	DTT	DCH	ONT	TSC	NTD	DSH		SON	MNC	PNK	BCS	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	
				51	29	0,14		0,14	0,14																				Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSĐĐ năm 2023 huyện Xuân Trường	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở	ONT	xã Xuân Tiến			1,30		1,30	1,30																					
				3b	317, 318	0,09		0,09	0,09																					Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSĐĐ năm 2023 huyện Xuân Trường
				6	198	0,04		0,04	0,04																					Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSĐĐ năm 2023 huyện Xuân Trường
				3a	103	0,04		0,04	0,04																					Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSĐĐ năm 2023 huyện Xuân Trường
				3b	234, 237, 238, 241	0,40		0,40	0,40																					Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSĐĐ năm 2023 huyện Xuân Trường
				3b	235, 236, 239, 240	0,40		0,40	0,40																					Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSĐĐ năm 2023 huyện Xuân Trường
				3b	251, 252, 254	0,23		0,23	0,23																					Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSĐĐ năm 2023 huyện Xuân Trường
				1	55, 56	0,10		0,10	0,10																					Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSĐĐ năm 2023 huyện Xuân Trường
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở	ONT	xã Xuân Thành			0,07		0,07	0,07																					
				9	128	0,07		0,07	0,07																					Nghị quyết CMD số 73/NQ-HĐND ngày 06/07/2022 của HĐND tỉnh QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSĐĐ năm 2023 huyện Xuân Trường
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở	ONT	xã Xuân Thủy			0,52		0,52	0,21	0,05	0,01	0,14													0,10		0,01			
				4	230, 229, 226, 227, 221, 220, 219, 222, 228, sống	0,22		0,22	0,09		0,01	0,01													0,10		0,01			Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSĐĐ năm 2023 huyện Xuân Trường

STT	Tên công trình dự án	Mã đất	Địa điểm	Vị trí bản đồ địa chính		Tổng diện tích đăng ký KH2024	Trong đó		Sử dụng từ các loại đất													Chí chú								
				Tờ	Thửa		Diện tích đăng ký mới 2024	Diện tích 2023 chuyển sang	LUC	HNK	CLN	NTS	TMD	SKC	DGT	DTL	DYT	DGD	DTT	DCH	ONT		TSC	NTD	DSH	SON	MNC	PNK	BCS	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	
				12	205, 204, 233	0,12		0,12	0,02	0,05		0,05																	Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh, QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường	
				3; (19)	4; (33)	0,14		0,14	0,06			0,08																	Nghị quyết CMD số 73/NQ-HĐND ngày 06/07/2022 của HĐND tỉnh, QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường	
				3	109	0,04		0,04	0,04																				Nghị quyết CMD số 110/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh, QĐ 1361/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 V/v phê duyệt bổ sung KHISDD năm 2022 của các huyện, thành phố Nam Định	
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở	ONT	xã Xuân Thương			0,284	0,164	0,12	0,274																	0,01				
				10	122 (120)	0,03		0,03	0,03																					Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh (từ 10 thửa 123,120) 0,03 thửa, QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường
				10	269	0,09		0,09	0,09																					Nghị quyết CMD số 73/NQ-HĐND ngày 06/07/2022 của HĐND tỉnh, QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường
				1	606 (291, 292)	0,014	0,014		0,004																	0,01				Nghị quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh
				10	118, 119, 120, 122	0,05	0,05		0,05																					Nghị quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh
				16	54	0,10	0,10		0,10																					Nghị quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở	ONT	xã Xuân Vinh			0,34		0,34	0,29		0,02	0,02			0,01															
				21	158	0,08		0,08	0,08																					Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh, QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường
				5	86	0,08		0,08	0,08																					Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh, QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường
				12	5	0,08		0,08	0,08																					Nghị quyết CMD số 6/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh, QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường
				3	195 - 199	0,10		0,10	0,05		0,02	0,02				0,01														Nghị quyết CMD số 110/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh, QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHISDD năm 2023 huyện Xuân Trường

STT	Tên công trình dự án	Mã đất	Địa điểm	Vị trí ban đầu địa chính		Tổng diện tích đăng ký KH2024	Trong đó		Sử dụng từ các loại đất																Chú chú					
				Từ	Thửa		Diện tích đăng ký mới 2024	Diện tích 2023 chuyển sang	LUC	HNK	CLN	NTS	TMD	SKC	DGT	DTL	DYT	DGD	DTT	DCH	ONT	TSC	NTD	DSH		SON	MNC	PNK	BCS	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	TT. Xuân Trường			0,10		0,10	0,10																					Nghị quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDD năm 2023 huyện Xuân Trường
2	Đất phát triển hạ tầng					0,30		0,30	0,30																					
2.1	Đất xây dựng cơ sở y tế					0,30		0,30	0,30																					
	Xây dựng phòng khám đa khoa	DYT	TT. Xuân Trường	12	19 - 21	0,30		0,30	0,30																					Nghị quyết CMD số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDD năm 2023 huyện Xuân Trường
3	Đất thương mại dịch vụ					2,57		2,57	2,35						0,15	0,07														
	Xây dựng khu dịch vụ thương mại của Công ty TNHH Lan Chi BUSINESS Hà Nam	TMD	xã Xuân Ninh	05; (06)	46 - 50, 84, 85, 124, 125, 163 - 168; (13 - 17, 23 - 28)	2,57		2,57	2,35						0,15	0,07														Nghị quyết CMD số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDD năm 2023 huyện Xuân Trường; Theo nghị quyết trên thì tổng diện tích tạm bổ sung đất là 2,57 ha, trong đó: quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Lan Chi Business là 2,35 ha, diện tích đất công ích là 0,22 ha, đất giao thông là 0,15 ha, đất dự trữ là 0,07 ha và tổng diện tích không thay đổi;
	DANH MỤC DỰ ÁN KHÔNG SỬ DỤNG ĐẤT LƯU					17,22	11,83	5,39		1,48	6,16	8,26	0,13	0,42	0,01	0,03		0,52									0,11	0,04		
1	Đất ở					15,82	11,83	3,99		0,08	6,16	8,26	0,13	0,42	0,01	0,03		0,52									0,11	0,04		
1.1	Đất ở tại nông thôn					15,27	11,28	3,99		0,08	5,94	7,93	0,13	0,42	0,01	0,03		0,52									0,11	0,04		
1.1.1	Tài chính cơ bản và đầu tư					0,26		0,26										0,26												
	Tài chính cơ bản và đầu tư QSDĐ	ONT	xã Xuân Hòa	11	247	0,26		0,26										0,26												QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDD năm 2023 huyện Xuân Trường
1.1.2	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở					3,71	1,30	2,41		0,08	0,36	2,21	0,13	0,42	0,01	0,03		0,26						0,06		0,11	0,04			
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở	ONT	xã Xuân Bắc			0,37		0,37				0,36															0,01			
				9	88	0,14		0,14																						QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDD năm 2023 huyện Xuân Trường
				9	450	0,02		0,02				0,02																		QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDD năm 2023 huyện Xuân Trường
				9	49	0,01		0,01																		0,01				QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDD năm 2023 huyện Xuân Trường
				10a	4	0,19		0,19				0,19																		QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDD năm 2023 huyện Xuân Trường
				7	148	0,01		0,01				0,01																		QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDD năm 2023 huyện Xuân Trường
	Đầu giá QSD đất để giao đất cho nhân dân làm nhà ở	ONT	xã Xuân Đài			0,03		0,03						0,03																QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDD năm 2023 huyện Xuân Trường

[illegible]

STT	Tên công trình dự án	Mã đất	Địa điểm	Vị trí ban đầu địa chính		Tổng diện tích đăng ký KH2024	Trong đó		Sử dụng từ các loại đất													Ghi chú							
				Tờ	Thửa		Diện tích đăng ký mới 2024	Diện tích 2023 chuyển sang	LUC	HNK	CLN	NTS	TMD	SKC	DGT	DTL	DYT	DGD	DTT	DCH	ONT		TSC	NTD	DSH	SON	MNC	PNK	BCS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)
	Xây dựng khu đồng mới, sản xuất rau thủy sản	SKC	xã Xuân Tân	6	57 (3)	1,40		1,40																					Báo cáo thẩm định số 943/BC-SKH&ĐT ngày 19/02/2022 V/v chấp thuận chủ trương đầu tư công trình chấp thuận đầu tư và xây dựng khu đồng mới, sản xuất rau thủy sản tại xã Xuân Tân, huyện Xuân Trường của Công ty Cổ phần Hoàng Vinh; QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt KHSDĐ năm 2023 huyện Xuân Trường; QĐ số 519/QĐ-UBND ngày 16/03/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Xây dựng khu đồng mới, sản xuất rau huyện tại xã Xuân Tân, huyện Xuân Trường
	Tổng kế hoạch 2024					225,10	86,56	138,54	172,06	2,99	14,24	17,22	0,18	0,42	2,71	6,43	0,04	1,24	0,09	0,11	5,70	0,07	0,53	0,06	0,67	0,15	0,18	0,01	